

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 16/01/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Nguyễn Văn Trình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Nguyên Khang - Thư ký, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 225/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2024/QĐXXST-DS ngày 10/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2024/QĐHPT-DS ngày 24/12/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Hoàng V, sinh năm 1983; Địa chỉ: 2 N, phường H, quận C, TP .. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Hồ Thị Mỹ T, sinh năm 1984; Địa chỉ: F H, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2024, bản tự khai đề ngày 12/11/2024 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Đỗ Thị Hoàng V trình bày:**

Năm 2022 bà Hồ Thị Mỹ T có vay mượn bà Đỗ Thị Hoàng V tổng số tiền 3 lần là 300.000.000 đồng, đến ngày 02/8/2023 đã trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 250.000.000 đồng. Ghi giấy tính tiền lãi mỗi tháng. Sau thời gian quá lâu, Từ tháng 08/2022 đến nay bà T không trả lãi nữa và bà V cần lấy lại tiền gốc nên đòi nợ nhiều lần bà T vẫn không trả nợ cho bà V. Từ tháng 6/2023 đến tháng 01/2024 bà T đã trả được tiền gốc mỗi tháng 1.000.000 đồng và tháng 9/2024 bà T trả thêm được 1.000.000 đồng, tổng cộng đã trả 9.000.000 đồng. Như vậy tiền gốc bà T còn nợ bà V là 241.000.000 đồng. Nay bà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thị

Mỹ T trả một lần toàn bộ số tiền nợ còn lại là 241.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* *Tại bản tự khai ghi ngày 12/11/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là bà Hồ Thị Mỹ T trình bày:* Bà T mượn tiền của bà V nhưng thực chất là bà T đưa tiền cho bà Vũ Thị M sử dụng. Do công việc làm ăn của Bà T và bà M gặp khó khăn nên chưa trả được nợ cho bà V. Nay bà V kiện yêu cầu bà T trả nợ thì bà T xin trả nợ cho bà V mỗi tháng 1.000.000 đồng theo khả năng. Trong 8 tháng từ tháng 6/2023 đến tháng 01/2024 bà T đã trả tiền gốc mỗi tháng 1.000.000 đồng và trong tháng 9/2024, bà T đã trả thêm được 1.000.000 đồng. Như vậy, tổng tiền gốc đã trả là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). Nay bà T còn nợ lại bà V số tiền là 241.000.000 đồng và đề nghị được trả tiền gốc mỗi tháng 1.000.000 đồng đến năm 2026 thì tăng số tiền mỗi tháng trả lên mức theo khả năng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Hoàng V khởi kiện bị đơn là bà Hồ Thị Mỹ T để yêu cầu bà T trả số tiền vay mượn còn nợ theo giấy mượn tiền. Đây là quan hệ hợp đồng vay tài sản theo quy định tại điều 116, Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú trên địa bàn quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền gốc còn nợ là 241.000.000 đồng:

Bà Hồ Thị Mỹ T viết giấy mượn tiền của bà Đỗ Thị Hoàng V và hai bên cùng thỏa thuận ghi nhận các nội dung: Hồ Thị Mỹ T mượn của chị V số tiền: Ngày 02/8/2022 là 100.000.000 đồng, ngày 26/01/2022 là 100.000.000 đồng, ngày 27/01/2022 là 100.000.000 đồng; mục đích vay mượn tiền làm ăn; đến ngày 02/8/2023 đã trả 50.000.000 đồng; tổng cộng còn nợ chị V là 250.000.000 đồng, tiền lãi trả mỗi tháng 5% theo thỏa thuận. Quá trình vay mượn, bà T đã trả lãi hằng tháng, thời gian đầu có trả lãi đầy đủ; từ tháng 8/2022 không tính lãi nữa. Từ tháng 6/2023 đến tháng 01/2024 bà T có trả mỗi tháng 1.000.000 đồng tiền gốc. Sau nhiều lần bà V yêu cầu bà T hoàn trả tiền gốc, không yêu cầu trả tiền lãi nhưng bà T vẫn không trả nợ cho bà V. Hội đồng xét xử thấy rằng, giấy mượn tiền do bà Hồ Thị Mỹ T và Đỗ Thị Hoàng V cùng thỏa thuận, hai bên cùng viết và ký tên thể hiện các nội dung như trên và hai bên đều xác nhận việc bà T có vay mượn tiền bà V là

đúng, số tiền gốc còn nợ lại là 250.000.000 đồng. Do có mối quan hệ quen biết và tin tưởng nhau nên bà V đã cho bà T vay mượn tiền nhằm kiếm lãi mỗi tháng. Quá trình vay mượn bà T có trả lãi hằng tháng cho bà V. Đến khoảng thời gian từ 08/2022 thì bà T cho rằng do dịch bệnh, làm ăn gặp khó khăn nên không còn trả lãi cho bà V nữa, nhưng bà V cũng chưa đòi nợ. Đến tháng 06/2023 bà V nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền gốc thì bà T trả được mỗi tháng 1.000.000 đồng đến tháng 01/2024 là trả được 8.000.000 đồng (8 tháng). Từ tháng 02/2024 bà T không trả nợ gốc cho bà V nữa và trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà V. Đến khi bà V khởi kiện thì tháng 9/2024 bà T có gửi trả cho bà V 1.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc bà T đã trả là 9.000.000 đồng. Do đó, bà V khởi kiện và tại phiên tòa bà V yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Hồ Thị Mỹ T phải trả nợ cho bà V số tiền gốc còn lại là 241.000.000 đồng một lần và không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Với chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình là giấy mượn tiền mà bà Hồ Thị Mỹ T cùng với bà Đỗ Thị Hoàng V đã thỏa thuận, cùng viết và ký tên thể hiện bà T đã nhận đủ số tiền vay mượn của bà V có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án hòa giải các bên đã thống nhất số tiền gốc còn lại chưa trả là 241.000.000 đồng; bị đơn đề nghị trả nợ cho nguyên đơn mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng nguyên đơn bà Đỗ Thị Hoàng V không đồng ý và yêu cầu bà T phải trả nợ dứt điểm một lần cho bà V. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền vay mượn một lần đối với khoản tiền gốc còn nợ 241.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với các nội dung trình bày của bị đơn Hồ Thị Mỹ T về việc bà nhận tiền của bà V rồi đưa cho bà Vũ Thị M dùng số tiền đó, Tòa án đã có thông báo số 225/TB-TA ngày 15/11/2024 yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho các nội dung bị đơn trình bày về việc bà Vũ Thị M có liên quan đến khoản tiền bà T mượn của bà V, các tài liệu chứng cứ bà T đã trả tiền gốc nhiều lần (sao kê trả tiền) theo ý kiến trình bày của bà tại phiên hòa giải. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án hòa giải cho đến phiên tòa hôm nay, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc bà Vũ Thị M là người nhận tiền của bà V cũng như các chứng cứ khác về việc bà T đã trả tiền gốc nhiều lần cho bà V (ngoài khoản tiền 9.000.000 đồng hai bên đã xác nhận). Tại phiên tòa, bị đơn bà T xác nhận còn nợ bà Đỗ Thị Hoàng V số tiền gốc là 241.000.000 đồng. Mặt khác, nguyên đơn Đỗ Thị Hoàng V xác định chỉ cho bà Hồ Thị Mỹ T mượn tiền và không có liên quan nào với bà Vũ Thị M. Do đó, Tòa án không có cơ sở để đưa bà Vũ Thị M tham gia tố tụng trong vụ án. Trường hợp bà T có tranh chấp về việc bà M mượn tiền lại từ bà T thì bà T có quyền yêu cầu khởi kiện vụ án dân sự khác để đòi tiền bà M đã nhận của bà T.

Từ những nhận định trên, thể hiện bà T có vay mượn tiền của bà Đỗ Thị Hoàng V và hiện còn nợ số tiền gốc 241.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền gốc vay mượn còn nợ 241.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi: Trong giấy mượn tiền các bên có thỏa thuận việc trả lãi hàng tháng. Theo trình bày của bà T đã trả tiền lãi nhiều tháng qua chuyển khoản cho bà V nhiều lần mà nay bà V không tạo điều kiện để bà T trả nợ dần là không hợp lẽ; và bà T có trình bày việc sẽ nộp các bản sao kê tiền đã chuyển trả lãi cho bà V. Tuy nhiên, bà T không nộp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, tại phiên tòa bà T cũng khẳng định tiền bà đã chuyển trả cho bà V là tiền lãi mỗi tháng các bên đã thỏa thuận, bà xác nhận tiền gốc còn nợ bà V là 241.000.000 đồng và thống nhất không trừ tiền lãi đã trả vào tiền gốc. Theo yêu cầu khởi kiện, quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, các bên cũng không có tranh chấp về tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét phần tiền lãi.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 241.000.000 đồng nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 241.000.000 đồng x 5% = 12.050.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Hoàng V đối với bà Hồ Thị Mỹ T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Buộc bà Hồ Thị Mỹ T phải thanh toán cho bà Đỗ Thị Hoàng V một lần số tiền **241.000.000 đồng** (*hai trăm bốn mươi một triệu đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đỗ Thị Hoàng V có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bà Hồ Thị Mỹ T phải thanh toán, nếu bà Hồ Thị Mỹ T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị Mỹ T phải chịu số tiền án phí là: 12.050.000 đồng (*Mười hai triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng*)

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Hoàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng (*sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng*) tại biên lai thu số 0001908 ngày 07/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bàng